

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thúc

2. Ông Y Dhiều Hmok

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắc Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Đắc Lắc tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 -Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 07/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-DS, ngày 25/8/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Nhà T, ấp A, xã G, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Y K B K, sinh năm 1993; địa chỉ: Buôn D, phường B, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình hoà giải, nguyên đơn bà Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Y K B K sống chung tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013 tại UBND phường T, thị xã B, Đắc Lắc. Thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc, đến khoảng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xung đột cãi vã. Hiện mâu thuẫn của chúng tôi đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2015. Nay tôi không thể chung sống với anh Y K B K được nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Y K B K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và anh Y K B K có con chung M. C. B K1, sinh ngày 15/01/2010. Hiện cháu đang sinh sống cùng bố là anh Y K B K. Tôi

có nguyện vọng được giao con chung cho anh Y K B K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

**- Bị đơn ông Y K B K đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy lời khai và không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông Y K B K được.**

Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2025 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ (Nay là khu vực 8-Đắk Lắk) về tình trạng hôn nhân của bà Vũ Thị D và ông Y K B K như sau: Bà Vũ Thị D và ông Y K B K kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn tranh chấp, nguyên nhân cụ thể chính quyền địa phương không nắm rõ vì vợ chồng bà D và ông Y K2 không trình báo với chính quyền địa phương.

Đại diện VKSND khu vực 8- Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho bà Vũ Thị D được ly hôn với ông Y K B K. Về con chung: Giao con chung M. C. B K1, sinh ngày 15/01/2010 cho ông Y K B K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Y K B K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Bà Vũ Thị D và ông Y K B K đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013 tại UBND phường T, thị xã B, Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 BLTTDS và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

**[3] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Bà Vũ Thị D và ông Y K B K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013 tại UBND phường T, thị xã B, Đắk Lắk; sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã lẫn nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Vũ Thị D yêu cầu được ly hôn ông Y K B K cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

**[4] Về con chung:** Trong quá trình chung sống, bà Vũ Thị D và ông Y K B K có 01 con chung là M. C. B K1, sinh ngày 15/01/2010. Hiện con chung đang sống cùng ông Y K B K và bà Vũ Thị D có nguyện vọng giao con chung cho ông Y K B K được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Xét nguyện vọng của bà Vũ Thị D là có căn cứ phù hợp với các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ, cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[5] Về tài sản và công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[6] Về án phí:** Bà Vũ Thị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D.

- **Về hôn nhân:** Cho bà Vũ Thị D được ly hôn với ông Y K B K.

- **Về con chung:** Giao con chung M. C. B K1, sinh ngày 15/01/2010 cho ông Y K B K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ông Y K B K được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Vũ Thị D chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004244 ngày 26/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ (Nay là phòng THADS khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKS khu vực 8;
- UBND phường Buôn Hồ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

(đã ký)

***Đinh Thị Hương***











